TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2022/DSPT
Ngày: 30/3/2022
Về việc tranh chấp hợp đồng ủy quyền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo

Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Văn Hiền

2. Ông Lê Ngọc Tường

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Đoàn Bích Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 27/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng ủy quyền";

Do bản án dân sự sơ thẩm số 2116/2021/DS-ST ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 470/2022/QĐPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2429/2022/QĐH ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1959 (vắng mặt).
Địa chỉ: đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Hoàng Minh T, sinh năm 1969 (vắng mặt).
Địa chỉ: đường H1, khu phố L, phường I, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: khu dân cư X, đường Y, khu phố Z, phường I, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Hoàng Minh T1, sinh năm 1976 (có mặt).
Địa chỉ: đường M, khu phố N, phường I, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: đường P, phường Q, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, ông T, ông T1: Ông Đào Ngọc T2, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: đường A1, phường B1, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Hoàng Minh S, sinh năm: 1960 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố W, phường I, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: khu dân cư X, đường Y, khu phố Z, phường I, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị K, sinh năm 19421959 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố W, phường I, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: khu dân cư X, đường Y, khu phố Z, phường I, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Khiếu: Ông Đào Ngọc T2, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: đường E, phường B1, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Văn phòng Công chứng Lê Văn D (vắng mặt).

Địa chỉ: đường M1, phường N2, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Bùi Văn T3, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: đường P1, phường Q1, quận L1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 6 năm 2020 và lời khai tại Tòa án, bị đơn – ông Hoàng Minh S trình bày:

Cha của ông là ông Hoàng Minh Đ và mẹ của ông là bà Vũ Thị K có tất cả 04 người con chung là bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Minh S, ông Hoàng Minh T và ông Hoàng Minh T1. Cha mẹ ông có tạo lập được tài sản là căn nhà có diện tích sàn là 88,7m^2 tọa lạc trên phần diện tích đất là 318m^2 (gồm 200m^2 đất thổ cư được công nhận và 118m^2 đất không xin công nhận), thuộc thửa số 33-1, tờ bản đồ số 4 (Tài liệu đo đạc năm 2003), địa chỉ: Khu phố W, phường I, quận U (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số: 061/2007/UB-GCN do Ủy ban nhân dân Quận U (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 6 năm 2007.

Ngày 26 tháng 8 năm 2017, ông Hoàng Minh Đ chết, không để lại di chúc.

Ngày 09 tháng 10 năm 2017, ông cùng với mẹ là bà Vũ Thị K, và các chị em của mình là bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Minh T, ông Hoàng Minh T1 đã tiến hành khai nhận di sản thừa kế của ông Hoàng Minh Đ theo Văn bản khai nhận di sản thừa kế số: 005171, quyển số: 02.TP/CC-SCC/HĐGD được công

chứng tại Văn phòng Công chứng Lê Văn D. Cùng ngày 09 tháng 10 năm 2017, tại Văn phòng Công chứng Lê Văn D, bà Vũ Thị K cùng với bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Minh T, ông Hoàng Minh T1 đã lập Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 005177, quyển số: 02.TP/CC-SCC/HĐGD, ủy quyền cho ông được toàn quyền định đoạt đối với di sản nêu trên.

Trong khi mọi công việc liên quan đến di sản thừa kế đều đang được thực hiện đúng theo hợp đồng ủy quyền thì gia đình phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp, các chị em của ông đã chiếm giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với di sản nêu trên, không để cho ông thực hiện các quyền và nghĩa vụ như nội dung đã ủy quyền.

Ngày 01 tháng 4 năm 2018, ông và ông Bùi Văn T3 có ký Hợp đồng thuê nhà đất (bằng giấy tay, không công chứng, chứng thực) đối với nhà đất thuộc thửa đất số 33-1, tờ bản đồ số 4 (diện tích đất được công nhận là 200m^2 đất thổ cư), địa chỉ: Khu phố W, phường I, Quận U (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng các bên không có tranh chấp gì đối với việc thuê tài sản này nên ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Do không tự thương lượng, hòa giải được nên ông khởi kiện tại Tòa án đối với bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Minh T và ông Hoàng Minh T1, yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Hoàng Minh Đ là nhà đất tại địa chỉ khu phố W, phường I, quận U (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh như đã nêu ở trên. Ông yêu cầu được hưởng phần di sản thừa kế tương đương giá trị của 64m^2 đất.

Theo đơn phản tố ngày 17 tháng 8 năm 2020, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, các nguyên đơn gồm bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Minh T và ông Hoàng Minh T1 thống nhất trình bày:

Cha mẹ của các ông, bà là ông Hoàng Minh Đ và bà Vũ Thị K có tất cả 04 người con chung là bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Minh S, ông Hoàng Minh T và ông Hoàng Minh T1. Năm 2017, ông Hoàng Minh Đ mất không để lại di chúc. Ngày 09 tháng 10 năm 2017, 04 anh, chị, em cùng với mẹ là bà Vũ Thị K đã tiến hành khai nhận di sản thừa kế của ông Hoàng Minh Đ theo Văn bản khai nhận di sản thừa kế số: 005171, quyển số: 02.TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng Công chứng Lê Văn D. Đối với phần di sản thừa kế là các khoản tiền, gia đình đã chia xong. Riêng đối với phần di sản là quyền sử dụng đất của ông Hoàng Minh Đ thuộc thửa số 33-1, tờ bản đồ số 4 (Tài liệu đo đạc năm 2003), địa chỉ: Khu phố W, phường I, quận U (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số: 061/2007/UB-GCN do Ủy ban nhân dân Quận U (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 6 năm 2007 cho cha mẹ của các ông, bà. Do nhà, đất nằm trong quy hoạch dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội nên gia đình đã bàn bạc, thống nhất với nhau sẽ không phân chia phần di sản này mà đợi đến khi nhận được tiền đền bù khi Nhà nước thu hồi nhà, đất thì mới tiến hành phân chia. Cùng ngày 09 tháng 10 năm 2017, tại Văn phòng Công chứng Lê Văn D, bà Vũ Thị K cùng với bà Hoàng Thị H, ông

Hoàng Minh T, ông Hoàng Minh T1 đã lập Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 005177, quyển số: 02.TP/CC-SCC/HĐGD, ủy quyền cho ông Hoàng Minh S với mục đích là để thực hiện việc đăng bộ sang tên nhà đất nêu trên cho các đồng thừa kế. Do trong nội bộ gia đình phát sinh mâu thuẫn nên gia đình đã không đồng ý tiếp tục để ông S thực hiện công việc đã ủy quyền và có đề nghị ông S phải đến phòng công chứng cùng thực hiện việc hủy văn bản ủy quyền đã ký nhưng ông S không đồng ý.

Vì phần quyền sử dụng 200m^2 đất thuộc thửa số 33-1, tờ bản đồ số 4 (Tài liệu đo đạc năm 2003), địa chỉ: Khu phố W, phường I, quận U (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của bà K và ông Đ nên bà K có quyền sử dụng 100m^2 đất và phần di sản của ông Hoàng Minh Đ chỉ tương đương 100m^2 đất còn lại nên đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Hoàng Minh S, các ông bà Hoàng Thị H, Hoàng Minh T và Hoàng Minh T1 không đồng ý.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, gia đình ông, bà đã đề nghị ông S hủy Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 005177 nhưng ông S không hợp tác. Vì vậy, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Minh T và ông Hoàng Minh T1 đã nộp đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 005177, quyển số: 02.TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 09 tháng 10 năm 2017 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Lê Văn D giữa bà Vũ Thị K, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Minh T, ông Hoàng Minh T1 với ông Hoàng Minh S.

Bà H, ông T, ông T1 đều biết việc ông S và ông T4 có ký Hợp đồng thuê nhà đất (bằng giấy tay, không công chứng, chứng thực) đối với nhà đất thuộc thửa đất số 33-1, tờ bản đồ số 4 (diện tích đất được công nhận là 200m^2 đất thổ cư), địa chỉ: Số 608, Quốc lộ 52, Khu phố 1, phường I, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng các bên không có tranh chấp gì đối với việc thuê tài sản này nên bà H, ông T, ông T1 cũng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 17 tháng 8 năm 2020, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị K trình bày:

Tài sản là quyền sử dụng 200m^2 đất thuộc thửa số 33-1, tờ bản đồ số 4 (Tài liệu đo đạc năm 2003), địa chỉ: Khu phố W, phường I, Quận U (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của bà và ông Hoàng Minh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 061/2007/UB-GCN do Ủy ban nhân dân Quận U (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 6 năm 2007. Năm 2017, chồng của bà là ông Hoàng Minh Đ chết, không để lại di chúc. Ngày 09 tháng 10 năm 2017, tại Văn phòng Công chứng Lê Văn D, bà cùng 04 người con là Hoàng Thị H, Hoàng Minh S, Hoàng Minh T và Hoàng Minh T1 đã tiến hành khai nhận di sản thừa kế của ông Hoàng Minh Đ; đồng thời, lập văn bản ủy quyền cho người con tên Hoàng Minh S để thực hiện việc đăng bộ sang tên nhà đất nêu trên cho các đồng thừa kế còn lại. Tuy nhiên, do giữa các thành viên trong gia đình phát sinh mâu thuẫn, nên gia đình đã không đồng ý tiếp tục để

ông S thực hiện việc ủy quyền và có đề nghị ông S phải đến phòng công chứng cùng thực hiện việc hủy văn bản ủy quyền đã ký nhưng ông S không đồng ý.

Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh S, bà không đồng ý. Đồng thời, bà có yêu cầu độc lập đối với ông Hoàng Minh S, cụ thể: yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của bà và ông Hoàng Minh Đ là 200m^2 đất thuộc thửa số 33-1, tờ bản đồ số 4 (Tài liệu đo đạc năm 2003), địa chỉ: Khu phố W, phường I, quận U (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 061/2007/UB-GCN do Ủy ban nhân dân Quận U (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 6 năm 2007; Yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 005177, quyển số: 02.TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 09 tháng 10 năm 2017 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Lê Văn D giữa bà Vũ Thị K, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Minh T, ông Hoàng Minh T1 với ông Hoàng Minh S.

Tuy nhiên, tại Bản tự khai ngày 04 tháng 11 năm 2020 và Bản cam kết về việc tự nguyện rút một phần yêu cầu độc lập ngày 07 tháng 01 năm 2021, bà Vũ Thị K đã rút lại yêu cầu chia tài sản chung của bà và ông Hoàng Minh Đ và xác định chỉ yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 005177, quyển số: 02.TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 09 tháng 10 năm 2017 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Lê Văn D.

Bà biết việc ông S và ông T4 có ký Hợp đồng thuê nhà đất (bằng giấy tay, không công chứng, chứng thực) đối với nhà đất thuộc thửa đất số 33-1, tờ bản đồ số 4 (diện tích đất được công nhận là 200m^2 đất thổ cư), địa chỉ: Khu phố W, phường I, quận U (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng các bên không có tranh chấp gì đối với việc thuê tài sản này nên Bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại Văn bản số: 178/CV-LVD ngày 05 tháng 11 năm 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng Công chứng Lê Văn D trình bày:

Ngày 09 tháng 10 năm 2017, Văn phòng Công chứng Lê Văn D tiếp nhận yêu cầu thực hiện việc chứng nhận Hợp đồng ủy quyền đối với nhà đất tọa lạc tại thửa đất số 33-1, tờ bản đồ số 4 (Tài liệu đo đạc năm 2003), địa chỉ: Khu phố W, phường I, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các giấy tờ, tài liệu có liên quan do người yêu cầu công chứng cung cấp, bao gồm: Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà Vũ Thị K, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Minh T, ông Hoàng Minh T1, ông Hoàng Minh S; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 061/2007/UB-GCN do Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 6 năm 2007; Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 005171. Công chứng viên tiếp nhận thụ lý hồ sơ công chứng đã kiểm tra, đối chiếu toàn bộ bản chính các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến yêu cầu công chứng như đã liệt kê ở trên, đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật. Do hồ sơ yêu cầu công chứng hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên Công chứng viên của Văn phòng Công

chứng Lê Văn D đã thực hiện việc thụ lý hồ sơ công chứng và chứng nhận hợp đồng ngay trong ngày.

Về cơ sở pháp lý và hình thức: Căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, Hợp đồng ủy quyền số 005177 ngày 09 tháng 10 năm 2017 hoàn toàn tuân thủ đúng và đủ các quy định của pháp luật về nội dung, trình tự, thủ tục.

Về mục đích và nội dung giao dịch: Hợp đồng ủy quyền số 005177 ngày 09 tháng 10 năm 2017 do Văn phòng Công chứng Lê Văn D chứng nhận không có mục đích, nội dung thỏa thuận trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Về năng lực hành vi dân sự và ý chí của các chủ thể tham gia giao dịch: Tại thời điểm công chứng, những người tham gia ký kết hợp đồng ủy quyền có đầy đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật; tham gia giao kết hoàn toàn tự nguyện; đã đọc lại, hiểu rõ, đồng ý toàn bộ nội dung hợp đồng và đã ký tên từng trang trong văn bản với sự chứng kiến của Công chứng viên.

Như vậy, Văn phòng Công chứng Lê Văn D đã thực hiện công chứng Hợp đồng ủy quyền số 005177 ngày 09 tháng 10 năm 2017 hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu của các đương sự theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Văn phòng Công chứng Lê Văn D đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hoàng Minh S đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc phân chia di sản thừa kế. Tuy nhiên, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Minh T và ông Hoàng Minh T1 không rút yêu cầu phản tố; bà Vũ Thị K không rút yêu cầu độc lập nên Tòa án đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh S theo Quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn số: 03/2020/QĐST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận U (nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời quyết định việc thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự trong vụ án, cụ thể như sau: Bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Minh T, ông Hoàng Minh T1 trở thành nguyên đơn; ông Hoàng Minh S trở thành bị đơn; bà Vũ Thị K và Văn phòng Công chứng Lê Văn D vẫn giữ nguyên địa vị tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Theo bản tự khai ngày 25 tháng 5 năm 2021 nộp cho Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T3 trình bày:

Vào ngày 01 tháng 4 năm 2018, ông và ông Hoàng Minh S có ký Hợp đồng thuê nhà đất đối với nhà đất thuộc thửa đất số 33-1, tờ bản đồ số 4 (diện tích đất được công nhận là 200m^2 đất thổ cư), địa chỉ: Khu phố W, phường I, quận U (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó thì thời hạn thuê là 05 năm, kết thúc thời hạn 05 năm, xét vào nhu cầu thực tế của hai bên thì hai bên có thể tiếp tục thương lượng gia hạn hợp đồng; Giá thuê là 30.000.000 đồng/tháng, ông đã đặt cọc trước 04 tháng tương đương 120.000.000

đồng. Sau mỗi năm hai bên sẽ thương lượng lại giá thuê một lần. Việc thanh toán tiền thuê theo phương thức trả tiền mặt vào ngày 05 hàng thàng, bắt đầu tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2018. Ngoài ra, trong hợp đồng còn thỏa thuận các vấn đề khác về chi phí sửa chữa, việc chuyển giao đất cho bên thứ ba, việc thu hồi hoặc trả tài sản thuê trước hạn, việc xử lý hậu quả khi hợp đồng thuê đất kết thúc, việc thỏa thuận giải quyết khi có tranh chấp xảy ra… Thực hiện hợp đồng, ông đã được ông Hoàng Minh S bàn giao mặt bằng trên và hàng tháng ông vẫn nộp tiền thuê đầy đủ. Nay ông được biết giữa ông Hoàng Minh S, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Minh T, ông Hoàng Minh T1 đang xảy ra tranh chấp hợp đồng ủy quyền liên quan đến nhà đất thuộc thửa đất số 33-1, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Số 608 Quốc lộ 52, Khu phố 1, phường I, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông có ý kiến như sau: Ông không có ý kiến gì về việc tranh chấp hợp đồng ủy quyền giữa ông Hoàng Minh S, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Minh T, ông Hoàng Minh T1, bà Vũ Thị K. Riêng đối với hợp đồng thuê nhà đất giữa ông và ông S ký ngày 01 tháng 4 năm 2018, Ông sẽ tự thương lượng với ông S, bà H, ông T, ông T1, bà K. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Trường hợp giữa ông với ông S hoặc với bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Minh T, ông Hoàng Minh T1, bà Vũ Thị K có xảy ra tranh chấp liên quan đến việc thuê nhà đất trên thì ông sẽ khởi kiện thành một vụ án khác.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/11/2021, ông Hoàng Minh S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Minh T, ông Hoàng Minh T1 có người đại diện theo ủy quyền là ông Đào Ngọc T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Hoàng Minh S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị K có người đại diện theo ủy quyền là ông Đào Ngọc T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Các nguyên đơn bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Minh T, ông Hoàng Minh T1 có người đại diện theo ủy quyền là ông Đào Ngọc T2 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Hoàng Minh S yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do: Án sơ thẩm xử không khách quan, thu thập chứng cứ không đầy đủ, ông không vi phạm hợp đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng khoản 1 Điều 569 Bộ luật dân sự để hủy hợp đồng ủy quyền giữa mẹ và các chị em của ông với ông là không hợp lý.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm.

- Về nội dung: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thấy rằng ông S kháng cáo cho rằng Tòa sơ thẩm không giải quyết yêu cầu chia thừa kế cho ông đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông là không có cơ sở, bởi lẽ sau khi khởi kiện ông S đã có đơn xin rút đơn khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của ông S tại Quyết định đình chỉ số 03/2020/QĐST-DS ngày 07/10/2020 và Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật.

Đối với Hợp đồng ủy quyền: Tòa sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 569 Bộ luật dân sự là có căn cứ. Ông S cho rằng các nguyên đơn và bà K không thông báo cho ông biết việc hủy ủy quyền. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm qua phần hỏi ông S thừa nhận có nhận được thông báo thụ lý về yêu cầu phản tố của bà H, ông T, ông T1 và yêu cầu độc lập của bà K nhưng ông không có ý kiến gì. Nay ông S kháng cáo cho rằng chưa được thông báo về việc hủy ủy quyền là không có cơ sở chấp nhận.

Từ các phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Văn phòng Công chứng Lê Văn D đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Văn phòng Công chứng Lê Văn D.

- Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Hoàng Minh S cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 569 Bộ luật dân sự là không có cơ sở, phía nguyên đơn không thông báo bằng văn bản cho ông biết về việc hủy ủy quyền; Bản án sơ thẩm không nêu được lý do về việc nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền và cũng không giải quyết được vấn đề trọng tâm là tài sản thừa kế, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 09 tháng 10 năm 2017, bà Vũ Thị K cùng các con là Hoàng Thị H, Hoàng Minh S, Hoàng Minh T và Hoàng Minh T1 đã tiến hành khai nhận di sản thừa kế của ông Hoàng Minh Đ theo Văn bản khai nhận di sản thừa kế số: 005171, quyển số: 02.TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng Công chứng Lê Văn D.

Đối với phần di sản là quyền sử dụng đất của ông Hoàng Minh Đ thuộc thửa số 33-1, tờ bản đồ số 4 (Tài liệu đo đạc năm 2003), địa chỉ: Khu phố W, phường I, quận U (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số:

061/2007/UB-GCN do Ủy ban nhân dân Quận U (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 6 năm 2007 cho ông Hoàng Minh Đ và bà Vũ Thị K. Do nhà, đất nằm trong quy hoạch dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội nên gia đình đã bàn bạc, thống nhất với nhau sẽ không phân chia phần di sản này mà đợi đến khi nhận được tiền đền bù khi Nhà nước thu hồi nhà, đất thì mới tiến hành phân chia.

Cùng ngày 09 tháng 10 năm 2017, tại Văn phòng Công chứng Lê Văn D, bà Vũ Thị K cùng với bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Minh T, ông Hoàng Minh T1 đã lập Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 005177, quyển số: 02.TP/CC-SCC/HĐGD, ủy quyền cho ông Hoàng Minh S với mục đích là để thực hiện việc đăng bộ sang tên nhà đất nêu trên cho các đồng thừa kế.

Xét thấy, xuất phát của vụ kiện này được bắt đầu từ đơn khởi kiện tranh chấp thừa kế ngày 09/6/2020 của ông Hoàng Minh S. Ông S khởi kiện yêu cầu được hưởng 64m^2 đất trong tổng số 200m^2 đất là tài sản chung của ông Đ và bà K. Sau đó, ngày 17 tháng 8 năm 2020 bà H, ông T và ông T có đơn phản tố yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền giữa các ông bà với ông Sơn; Bà Kcó đơn yêu cầu độc lập yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền giữa bà với ông S và yêu cầu chia thừa kế phần diện tích đất 200m^2. Ngày 21/9/2020 ông S có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và Tòa án Thành phố Thủ Đức đã ra quyết định đình chỉ đối với yêu cầu rút đơn khởi kiện của ông S. Tại phần Quyết định của Quyết định đình chỉ có nêu: *"... Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này..."*, nhưng ông S không kháng cáo nên Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Do phía bà K, bà H, ông T và ông T1 không rút yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập nên vụ án vẫn được tiếp tục giải quyết.

Theo nội dung của Hợp đồng ủy quyền nêu trên, các bên đã thỏa thuận không tính thù lao. Trước khi yêu cầu Tòa án tuyên chấm dứt hợp đồng ủy quyền thì bà K, bà H, ông T, ông T1 cũng đã đề nghị ông S chấm dứt ủy quyền nhưng ông S không đồng ý. Ngay sau khi thụ lý yêu cầu khởi kiện (theo đơn phản tố) của bà H, ông T, ông T1 và yêu cầu độc lập của bà K, Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo cho ông S biết, nhưng ông S cũng không có ý kiến phản hồi. Như vậy, việc bà K, bà H, ông T, ông T1 đề nghị ông S chấm dứt ủy quyền trước khi khởi kiện và việc Tòa án thông báo thụ lý yêu cầu phản tố (nay là yêu cầu khởi kiện) và yêu cầu độc lập cho ông S được xác định là thông báo về việc chấm dứt ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 569 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông S cho rằng phía nguyên đơn không thông báo bằng văn bản cho ông biết về việc hủy ủy quyền và Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 569 Bộ luật dân sự là không có cơ sở, nhưng ông không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh là ông không biết về việc bà bà K, bà H, ông T, ông T1 đơn phương chấm dứt Hợp đồng ủy quyền đối với ông.

Xét, đối với việc Bản án sơ thẩm không nêu được lý do về việc nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền và cũng không giải quyết được vấn đề trọng tâm là tài sản thừa kế, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo đơn khởi kiện (trước đây là đơn phản tố) của các ông bà Hoàng Thị H, Hoàng Minh T và Hoàng Minh T1 cũng như đơn yêu cầu độc lập của bà Vũ Thị K đều yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 005177, quyển số: 02.TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 09 tháng 10 năm 2017 tại Văn phòng Công chứng Lê Văn D. Ngoài ra, trong đơn yêu cầu độc lập bà Kcòn yêu cầu: *" Chia cho bà 100m^2 đất trong quyền sử dụng đất tại thửa số 33-1, tờ bản đồ số 4 (TL 2003), diện tích 200m^2 đã được Ủy ban nhân dân Quận U cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 797632696300121 ngày 06 tháng 6 năm 2007, tại địa chỉ khu phố W, phường I, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của bà và ông Đ"*. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 04 tháng 11 năm 2020 bà Vũ Thị K đã xin rút một phần yêu cầu độc lập về việc không yêu cầu chia tài sản chung của bà và ông Hoàng Minh Đ nữa. Ngày 07 tháng 01 năm 2021, bà K lại có bản cam kết được lập tại Văn phòng Công chứng Lê Văn D về việc rút một phần yêu cầu độc lập như đã trình bày tại bản tự khai ngày 04 tháng 11 năm 2020. Ông S cho rằng việc bà K yêu cầu hủy ủy quyền cũng như rút một phần yêu cầu độc lập không phải ý chí tự nguyện của bà K và yêu cầu giám định chữ ký của bà K trong bản tự khai ngày 04 tháng 11 năm 2020. Mặt khác, ông S còn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết được vấn đề trọng tâm là tài sản thừa kế là không có cơ sở. Bởi lẽ, như nhận định ở phần trên, ông S là người khởi kiện yêu cầu chia thừa kế và đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện này nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết yêu cầu chia thừa kế của ông tại Quyết định số 03/2020/QĐST-DS ngày 07/10/2020 và Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, không còn ai yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế của ông Hoàng Minh Đ, nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết vấn đề này là đúng. Ông S kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết vấn đề chia thừa kế là không có cơ sở để xem xét.

Xét, từ các chứng cứ cũng như lời trình bày tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy kháng cáo của ông Hoàng Minh S là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Minh S, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp kháng cáo của ông Hoàng Minh S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm ông Hoàng Minh S phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Minh S;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 562, khoản 1 Điều 569 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn gồm bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Minh T, ông Hoàng Minh T1 và chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Vũ Thị K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với bị đơn Hoàng Minh S về việc:

Chấm dứt Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 005177, quyển số: 02.TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 09 tháng 10 năm 2017 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Lê Văn D giữa bà Vũ Thị K, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Minh T, ông Hoàng Minh T1 với ông Hoàng Minh S.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Vũ Thị K về việc yêu cầu chia tài sản chung của bà và ông Hoàng Minh Đ đối với nhà đất thuộc thửa số 33-1, tờ bản đồ số 4 (Tài liệu đo đạc năm 2003), địa chỉ: Khu phố W, phường I, quận U (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hoàng Minh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Hoàng Minh T, ông Hoàng Minh T1 mỗi người được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số: AA/2019/0046683 ngày 24 tháng 9 năm 2020 và Biên lai thu tạm ứng số: AA/2019/0046684 ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Hoàng Minh S phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0025038 ngày 14/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- TAND Thành phố Thủ Đức;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chi cục THADS Thành phố TĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thảo